

Số: 28/2024/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy

ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ TT&TT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Bưu điện Trung ương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban XD Đảng thuộc TU;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH-HĐND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, VXNV, NCPC (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Quang Tuyên

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh Bắc Kạn**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28/2024/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này Quy định quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Danh mục dịch vụ, ứng dụng

1. Dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Bắc Kạn

a) Dịch vụ mạng riêng ảo

Sở Thông tin và Truyền thông được giao quản lý Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II tổng hợp nhu cầu, cung cấp thông tin kỹ thuật cho Cục Bưu điện Trung ương; phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai, bảo đảm kết nối dịch vụ mạng riêng ảo. Các đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Dịch vụ hội nghị truyền hình từ Trung ương về tỉnh

Dịch vụ hội nghị truyền hình của Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Bắc Kạn là dịch vụ sử dụng kênh truyền Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II và hệ thống điều khiển đa điểm của tỉnh để thiết lập kết nối các phiên họp trực tuyến giữa các điểm cầu, bảo đảm kết nối các điểm cầu thuộc đối tượng sử dụng của mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

c) Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các ứng dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh

a) Hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ công việc và Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

b) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

c) Hệ thống Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

d) Hệ thống Camera trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh.

đ) Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

e) Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: hệ thống từ tỉnh đến huyện và hệ thống từ huyện đến xã.

g) Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

h) Các ứng dụng khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II

1. Dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phải đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng phục vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phải bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

3. Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phải được kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, được nâng cấp để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG, KẾT NỐI VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II

1. Nguyên tắc quản lý mạng

a) Việc quản lý Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải được thực hiện thống nhất từ tỉnh đến cấp xã. Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng là đầu mối phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương trong quản lý, vận hành mạng.

b) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy trong quản lý Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phục vụ mạng diện rộng của Đảng trên địa bàn tỉnh.

2. Nguyên tắc sử dụng thiết bị

Đối với thiết bị của mạng truy nhập cấp II đơn vị sử dụng đảm bảo việc bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7), đảm bảo an toàn, an ninh. Đơn vị sử dụng thông báo cho đầu mối hỗ trợ là Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

3. Nguyên tắc vận hành

a) Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm là đầu mối chỉ đạo đơn vị cung cấp dịch vụ vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối xử lý sự cố mạng truy nhập cấp II, tiếp nhận cảnh báo từ Cục Bưu điện Trung ương, đơn vị sử dụng dịch vụ hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II

1. Mô hình kết nối: Theo mô hình 04 tại Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, đó là mô hình kết nối trung tâm dữ liệu đặt tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông với Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

a) Triển khai tối thiểu 02 (hai) kênh truyền cáp quang theo 02 (hai) hướng vật lý khác nhau kết nối từ thiết bị định tuyến của trung tâm dữ liệu đến cổng kết nối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

b) Kênh truyền phải bảo đảm mức chiếm dụng băng thông của các hướng kết nối < 90%, căn cứ kết quả giám sát lưu lượng tất cả các hướng kết nối từ 00h00 đến 24h00 hàng ngày trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng liên tiếp, thời gian mỗi mẫu giám sát là 05 (năm) phút.

2. Địa chỉ IP

a) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp nhu cầu và cung cấp thông tin cho Cục Bưu điện Trung ương.

b) Việc sử dụng địa chỉ IP phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và không trùng lặp giữa các dịch vụ, cơ quan, tổ chức.

c) Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thực hiện rà soát hoạt động sử dụng địa chỉ IP của mạng truy nhập cấp II và gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương).

3. Định tuyến

Các yêu cầu về tạo mới hoặc thay đổi chính sách định tuyến chỉ được triển khai sau khi thống nhất phương án giữa Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan và Cục Bưu điện Trung ương.

Điều 7. Giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập

1. Đơn vị được giao quản lý tài khoản giám sát phải lưu giữ, bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập, định kỳ thay đổi và sử dụng mật khẩu đảm bảo an toàn thông tin.

2. Thông tin giám sát an toàn thông tin mạng của thiết bị, hệ thống thông tin kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng được chia sẻ về Trung tâm điều hành mạng theo hướng dẫn của Cục Bưu điện Trung ương.

3. Máy chủ, máy trạm và thiết bị công nghệ thông tin khác kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được giám sát an toàn thông tin mạng tập trung.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đưa các dịch vụ, ứng dụng dùng chung của địa phương sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng; đề xuất dung lượng băng thông đường truyền của Mạng truy nhập cấp II phù hợp với nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung.

4. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông trong công tác triển khai kết nối và xử lý sự cố đối với mạng truy nhập cấp II.

5. Cung cấp cho Cục Bưu điện Trung ương các đầu mối quản lý, vận hành,

sử dụng và xử lý sự cố mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tham mưu bố trí kinh phí duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II thuộc đối tượng sử dụng tại Điều 2 của Quy chế này theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 10. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II

1. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Quyết định này và Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Bảo đảm hoạt động hạ tầng truyền dẫn phục vụ mạng truy nhập cấp II.

b) Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng và an toàn thông tin mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

d) Tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp hạ tầng kết nối cho mạng truy nhập cấp II có trách nhiệm xác định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ

1. Kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ trước khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Giám sát an toàn thông tin, kiểm soát truy nhập trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng, chia sẻ thông tin giám sát theo quy định tại Quyết định này và Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bảo đảm hạ tầng lắp đặt thiết bị hoạt động ổn định, liên tục, bảo vệ thiết bị và hạ tầng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đặt tại cơ quan theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 12. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này mà được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.